



VNU Journal of Science: Legal Studies

Journal homepage: <https://js.vnu.edu.vn/LS>



Review Article

Extenuation in the Penal Code 2015 and Current Issues

Tran Thi Quynh*

*High People's Court in Hanoi, Vietnam
Lane 1 Pham Van Bach, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Received 15 May 2020

Revised 27 May 2020; Accepted 16 June 2020

Abstract: Extenuation is considered by the Court when issuing a sentence, manifesting the state's leniency policy and the classification principle of penal liability in the Penal Code of Vietnam, ensuring efficiency and meaning of penalties. On this basis, this Article provides a new scientific approach to the definition of extenuation, analysing contents and levels of extenuation in provisions of the Penal Code 2015 (revised in 2017), examining issues in practical adjudication, and making recommendations on crime prevention and improvement of rehabilitation and re-education of individual and corporate offenders in the current context of the country.

Keywords: extenuation, leniency policy, classification principle, goodness, penalty.

* Corresponding author.

Email address: quynhspc@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4296>

Giảm hình phạt theo quy định của bộ luật hình sự năm 2015 và một số vấn đề đặt ra

Trần Thị Quỳnh*

*Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Hà Nội
Ngõ 1 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 15 tháng 5 năm 2020

Chỉnh sửa ngày 27 tháng 5 năm 2020; Chấp nhận đăng ngày 16 tháng 6 năm 2020

Tóm tắt: Giảm hình phạt là hoạt động quyết định hình phạt của Tòa án, thể hiện chính sách nhân đạo, nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình sự (TNHS) của luật hình sự Việt Nam, qua đó bảo đảm tính hiệu quả và mục đích của hình phạt. Trên cơ sở này, bài viết đưa ra nhận thức khoa học mới về khái niệm giảm hình phạt, phân tích nội dung, mức độ giảm của các trường hợp giảm hình phạt trong Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 2015, sửa đổi năm 2017, chỉ ra một số vấn đề đặt ra từ thực tiễn xét xử và đề xuất giải pháp khắc phục nhằm đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm và nâng cao hiệu quả công tác cải tạo, giáo dục người, pháp nhân thương mại phạm tội trong giai đoạn hiện nay ở nước ta.

Từ khóa: giảm hình phạt, chính sách nhân đạo, nguyên tắc phân hóa, tính hướng thiện, hình phạt.

1. Khái niệm, đặc điểm của giảm hình phạt

1.1. Khái niệm giảm hình phạt¹

Nhà nước luôn xác định mục đích chính của hình phạt về bản chất không phải là sự trả thù của Nhà nước đối với người phạm tội mà là giáo dục, cải tạo người phạm tội² trở thành trở thành người có ích cho xã hội; giáo dục pháp nhân thương mại phạm tội tuân thủ, ngăn ngừa phạm tội mới và giáo dục họ tôn trọng pháp luật, góp phần phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm. BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) (sau đây gọi tắt là BLHS) ban hành [1], ngoài

việc bổ sung nhiều điểm mới quan trọng thì tiếp tục “*đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội*”, tôn trọng và bảo đảm thực thi quyền con người, quyền công dân theo tinh thần Hiến pháp năm 2013, đúng với chủ trương, đường lối đã được Bộ Chính trị Việt Nam đề ra tại Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 về “*Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*” [2]. Do đó, việc quyết định hình phạt của Tòa án trong xét xử vừa bảo đảm công bằng, nhưng cũng phải dựa trên nguyên tắc nhân đạo, bảo đảm tính hướng thiện trong luật hình sự.

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: quynhspc@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4296>

¹ Hiện nay, trong BLHS năm 2015 chưa có ghi nhận định nghĩa pháp lý về “giảm hình phạt” và trong khoa học cũng chưa có nghiên cứu cụ thể về giảm hình phạt, mà chỉ có giảm thời hạn chấp hành hình phạt (Điều 64). Trong khi đó, hoạt động này diễn ra trong giai đoạn xét xử cùng với nhiều quyết định khác của Tòa án. Do đó, trong bài viết này, “giảm hình phạt” được hiểu là “giảm hình phạt trong quá trình xét xử” và còn được gọi là các trường hợp quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định (TG).

² Lưu ý, BLHS năm 2015 đã bổ sung thêm cả chủ thể của tội phạm là pháp nhân thương mại phạm tội (Điều 2, Điều 8 và Chương XI) (TG).

“Giảm hình phạt” trong xét xử cũng là một hoạt động quyết định hình phạt của Tòa án và là một trong các biện pháp cụ thể hóa quan điểm nhân đạo và chính sách hình sự mang tính hướng thiện của luật hình sự Việt Nam đối với người phạm tội và hành vi do họ thực hiện. Việc Tòa án quyết định giảm hình phạt cho người (hiện nay còn cả pháp nhân thương mại phạm tội) rõ ràng khi thấy rằng mức hình phạt giảm là đã đủ sức trừng trị, giáo dục và phòng ngừa. Giảm hình phạt có ý nghĩa tiết kiệm các chi phí để thực thi biện pháp cưỡng chế, thể hiện chính sách nhân đạo, thúc đẩy tính thiện, động viên, khuyến khích người, pháp nhân thương mại phạm tội chứng tỏ khả năng tự giáo dục, tự cải tạo, tạo điều kiện cho họ sớm tái hòa nhập với cộng đồng, trở thành người có ích cho gia đình và cho xã hội, cũng như pháp nhân thương mại không phạm tội mới, tuân thủ pháp luật.

Thực tiễn xét xử cho thấy “giảm hình phạt” là hoạt động được Tòa án xem xét một cách thường xuyên khi xét xử đối với người phạm tội (hiện nay bao gồm cả pháp nhân thương mại phạm tội). Khi họ có các tình tiết giảm nhẹ theo luật định thì trước tiên phải xem xét đến các biện pháp miễn, giảm TNHS và hình phạt; xem xét có nên buộc họ phải chịu hình phạt hoặc nếu phải chịu hình phạt thì có thể giảm nhẹ hình phạt cho họ được hay không. “Giảm hình phạt” trong hoạt động xét xử của Tòa án thuộc về hoạt động quyết định hình phạt với các trường hợp cụ thể như:

1. Giảm hình phạt chung, trong phạm vi khung hình phạt khi có tình tiết giảm nhẹ TNHS (Điều 51);

2. Giảm hình phạt dưới mức thấp nhất của khung (hay nói cách khác là áp dụng hình phạt nhẹ hơn hình phạt quy định trong khung hình phạt được Luật quy định), thể hiện dưới các dạng:

i) Giảm hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật đã quy định nhưng phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của Điều luật (khoản 1 Điều 54);

ii) Giảm hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và không buộc phải trong khung hình phạt liền kề (khoản 2 Điều 54) hoặc;

iii) Giảm hình phạt bằng việc chuyển sang một hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn (khoản 3 Điều 54 BLHS năm 2015)³.

Trong nghiên cứu, cũng có ý kiến trao đổi cho rằng quyết định hình phạt đối với người dưới 18 tuổi hay đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt cũng là hoạt động “giảm hình phạt” vì hình phạt đối với các trường hợp này được áp dụng nhẹ hơn so với quy định thông thường mà chủ thể chịu TNHS khác phải chịu khi thực hiện cùng một tội danh tương ứng. Theo quan điểm của tác giả thì các quy định giảm nhẹ của luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi hay đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt bản chất là các quy định về trách nhiệm pháp lý đặc thù. Nếu người phạm tội là người dưới 18 tuổi thì đương nhiên họ không bị xử phạt tù chung thân hay tử hình. Nếu người phạm tội thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt thì đương nhiên họ chỉ phải chịu hình phạt tù không quá 20 năm nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định. Nếu người phạm tội thuộc trường hợp chuẩn bị phạm tội thì chỉ phải chịu hình phạt trong phạm vi khung hình phạt được quy định trong các điều luật cụ thể (gồm 25 tội danh có quy định hình phạt đối với hành vi chuẩn bị phạm tội). Nếu người thực hiện hành vi chuẩn bị phạm tội được quy định trong Luật hoặc phạm tội thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt, mà là người dưới 18 tuổi thì lại tiếp tục được giảm nhẹ theo quy định tại Điều 102 BLHS. Việc quyết định hình phạt đối với các trường hợp này nhẹ hơn quy định thông thường bởi nó là chính sách hình sự và là quy định mang tính cố định, bắt buộc, là đường lối xử lý chung, TNHS được áp dụng riêng đối với các trường hợp đặc thù, chứ

³ Hay còn gọi là trường hợp quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của Bộ luật (Điều 47 BLHS năm 1999, sửa đổi năm 2009) và nay là trường hợp quyết định hình phạt dưới

mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng (Điều 54 BLHS năm 2015, sửa đổi năm 2017).

không phải là do người phạm tội có các tình tiết giảm nhẹ TNHS mà được giảm nhẹ.

Ở nước ta, quy định về miễn, giảm hình phạt từ khá lâu trong lịch sử từ thời đại phong kiến trong các Bộ luật như Bộ luật Hồng Đức, Bộ luật Gia Long. Sau khi giành được độc lập đất nước năm 1945, vấn đề miễn, giảm hình phạt cũng đã được nhắc đến và quy định rải rác ở các văn bản pháp lý mang tính đơn lẻ, chưa mang tính hệ thống⁴[3]; [4]. Đến lần pháp điển hóa đầu tiên luật hình sự với việc thông qua BLHS đầu tiên năm 1985, “giảm hình phạt” được quy định trong BLHS theo góc độ là giảm hình phạt chung khi có tình tiết giảm nhẹ TNHS (khoản 1 Điều 38 BLHS) [5] và giảm khi có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS với tên gọi là quyết định hình phạt nhẹ hơn luật định nhưng chỉ được quy định chung cùng với những tình tiết giảm nhẹ tại Điều 38 BLHS.

Khi pháp điển hóa luật hình sự Việt Nam lần *thứ hai* với việc thông qua BLHS năm 1999, quy định về giảm hình phạt vẫn được kế thừa và phát triển quy định của BLHS năm 1985, quy định giảm hình phạt chung khi có tình tiết giảm nhẹ TNHS (khoản 1 Điều 46) và giảm khi có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS với tên gọi là quyết định hình phạt nhẹ hơn luật định đã được ghi nhận chính thức, đồng thời được tách riêng thành Điều 47 BLHS năm 1999 với tên gọi “*Quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của Bộ luật*” [6].

Đến lần pháp điển hóa lần *thứ ba* luật hình sự với việc BLHS năm 2015, được sửa đổi theo Luật số 12/2017/QH14 ngày 20/6/2017 (sau đây gọi tắt là BLHS năm 2015), cùng với nhiều điểm mới

khác, về giảm hình phạt, các nhà làm luật cũng quy định bổ sung tình tiết giảm nhẹ TNHS tại Điều 51 và quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với pháp nhân thương mại (Điều 84) với ý nghĩa là giảm hình phạt chung. Việc Quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được quy định tại Điều 54 và được áp dụng mở rộng hơn về phạm vi giảm, không bắt buộc trong khung liên kề đối với người được giảm là người phạm tội lần đầu là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể.

Giảm hình phạt có quá trình lịch sử lâu dài và được quy định ngay từ những văn bản đầu tiên về luật hình sự Việt Nam. Tuy nhiên, đến nay, trong khoa học luật hình sự chưa thấy tác giả nào đề cập đến khái niệm “giảm hình phạt” với ý nghĩa là hoạt động áp dụng pháp luật trong xét xử của Tòa án (cùng với hoạt động khác như: miễn TNHS, miễn hình phạt, quyết định cho hưởng án treo). Do đó, dưới góc độ khoa học luật hình sự, tác giả đề xuất khái niệm đang nghiên cứu như sau: *Giảm hình phạt là hoạt động quyết định hình phạt do Tòa án áp dụng trong quá trình xét xử để thực thi chính sách nhân đạo và nguyên tắc phân hóa TNHS, bảo đảm công bằng, nhằm giảm nhẹ hình phạt đối với chủ thể đã thực hiện tội phạm bằng việc giảm mức hình phạt trong khung hoặc áp dụng hình phạt dưới khung quy định hoặc chuyển sang một hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn khi có đủ những điều kiện do luật định.*

1.2. Đặc điểm của giảm hình phạt

⁴ Xem cụ thể hơn: Sắc lệnh số 21/SL ngày 14/3/1946 của Chính phủ quy định lại về mặt tội danh và hình phạt; Sắc lệnh số 25/SL ngày 25/02/1946 quy định việc trừng trị đối với các hành vi phá hủy công sản; Sắc lệnh số 27/SL được ban hành ngày 28/02/1946 nhằm trừng trị các hành vi bắt cóc, tống tiền và ám sát. Sắc lệnh số 71/SL ban hành ngày 02/02/1946 ấn định quy tắc quân đội quốc gia. Sắc lệnh đại xá ngày 20/10/1945, văn bản này đã đại xá cho tuyệt đại đa số án được tuyên trong thời Pháp thuộc; Sắc lệnh số 113/SL ngày 20/01/1953 trừng trị các loại Việt gian, phản động và xét xử những âm mưu và hành động phản quốc (Điều 1 Sắc lệnh); Sắc lệnh số 223/SL ngày 17/11/1946; Pháp lệnh trừng trị các tội phản cách mạng ngày

30/10/1967; Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa ngày 21/10/1970; Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản riêng của công dân ngày 21/10/1970; Thông tư số 03-BTP/TT tháng 4/1976 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Sắc luật quy định về các tội phạm và hình phạt; Pháp lệnh trừng trị tội đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép ngày 10/7/1982; Nghị quyết số 01/1989/HĐTP ngày 19/4/1989 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn bổ sung áp dụng một số quy định của BLHS; v.v... Trong Tập hệ thống hóa luật lệ về hình sự, Tập I (1945-1974), Hà Nội, 1975; Tập II (1974-1978), Hà Nội, 1979.

Từ khái niệm đã nêu kết hợp với quy định của BLHS và thực tiễn xét xử, giảm hình phạt có các đặc điểm sau đây:

Một là, giảm hình phạt là một cách phản ứng của Nhà nước đối với người hoặc pháp nhân thương mại phạm tội.

Hai là, giảm hình phạt phản ánh chính sách nhân đạo - “*ng nghiêm trị kết hợp với khoan hồng*”, “*trừng trị kết hợp với giáo dục, thuyết phục, cải tạo*”, đồng thời phản ánh nguyên tắc phân hóa TNHS, nguyên tắc công bằng đối với tội phạm và người phạm tội, pháp nhân thương mại phạm tội trong luật hình sự Việt Nam.

Ba là, giảm hình phạt là hoạt động quyết định hình phạt do Tòa án áp dụng và trong quá trình xét xử, khác với giảm thời hạn chấp hành hình phạt diễn ra sau xét xử (hay còn gọi là giảm mức hình phạt đã tuyên).

Bốn là, điều kiện để giảm hình phạt là người hoặc pháp nhân thương mại phạm tội phải có ít nhất một tình tiết giảm nhẹ TNHS chung do luật định;

Năm là, giảm hình phạt có các mức độ giảm nhẹ khác nhau với các hậu quả khác nhau do Tòa án quyết định, cân nhắc áp dụng mức cụ thể như: giảm hình phạt trong phạm vi khung hình phạt khi có tình tiết giảm nhẹ TNHS chung do BLHS quy định; giảm hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt với các mức độ khác nhau hoặc chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn. Nội dung của các mức độ này sẽ được đề cập cụ thể trong mục 2 dưới đây.

2. Các mức độ giảm nhẹ hình phạt theo BLHS năm 2015 và một số vấn đề đặt ra

2.1. Giảm hình phạt trong phạm vi khung (khoản) đối với người phạm tội, pháp nhân thương mại phạm tội (hay còn gọi là giảm hình phạt chung)

Mỗi một điều luật của BLHS có các khoản quy định các khung hình phạt khác nhau. Các khung hình phạt này không quy định một mức hình phạt cố định, mà có một phạm vi các mức hình phạt khác nhau từ mức tối thiểu đến mức tối

đa, cho phép Tòa án lựa chọn một mức độ, hình phạt nhất định nằm trong phạm vi hình phạt của khung hình phạt để áp dụng phù hợp đối với người phạm tội ở mỗi vụ án cụ thể.

Giảm hình phạt trong khung đối với người phạm tội, pháp nhân thương mại phạm tội là trường hợp giảm mức hình phạt trong phạm vi một khung hình phạt khi có tình tiết giảm nhẹ TNHS chung do BLHS quy định. Mức giảm nhẹ nhất trong khung chính là mức hình phạt khởi điểm của khung hình phạt. Theo đó, trong khi xét xử, nếu người phạm tội, pháp nhân thương mại phạm tội có ít nhất một tình tiết giảm nhẹ TNHS chung do BLHS quy định thì được Tòa án giảm mức hình phạt trong phạm vi khung đó, hay nói cách khác nếu người phạm tội càng nhiều tình tiết giảm nhẹ thì càng được xử nhẹ trong phạm vi khung hình phạt mà người đó phạm phải.

Điều 51 BLHS năm 2015 quy định 22 tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với người phạm tội bao gồm:

- i) Người phạm tội đã ngăn chặn hoặc làm giảm bớt tác hại của tội phạm;
- ii) Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả;
- iii) Phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng;
- iv) Phạm tội trong trường hợp vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết;
- v) Phạm tội trong trường hợp vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội;
- vi) Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra;
- vii) Phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không phải do mình tự gây ra;
- viii) Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn;
- ix) Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;
- x) Phạm tội vì bị người khác đe dọa hoặc cưỡng bức;

xi) Phạm tội trong trường hợp bị hạn chế khả năng nhận thức mà không phải do lỗi của mình gây ra;

xii) Phạm tội do lạc hậu;

xiii) Người phạm tội là phụ nữ có thai;

xiv) Người phạm tội là người đủ 70 tuổi trở lên;

xv) Người phạm tội là người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng;

xvi) Người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình;

xvii) Người phạm tội tự thú;

xviii)⁵ Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải;

xix)⁶ Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án;

xx) Người phạm tội đã lập công chuộc tội;

xxi) Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác;

xxii)⁷ Người phạm tội là người có công với cách mạng hoặc là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ.

Như vậy, với các tình tiết giảm nhẹ TNHS phản ánh đặc điểm thuộc về mặt khách quan của tội phạm, mặt chủ quan của tội phạm và nhân thân người phạm tội đã mô tả rõ hơn hành vi phạm tội xảy ra trên thực tế, qua đó làm căn cứ để Tòa án cân nhắc, đánh giá chính xác, đầy đủ mức độ nguy hiểm cho xã hội (theo hướng giảm nhẹ hơn) không chỉ của hành vi phạm tội mà còn cả của nhân thân người phạm tội nữa.

Đối với pháp nhân thương mại phạm tội, Điều 84 BLHS năm 2015 quy định 05 tình tiết giảm nhẹ, bao gồm:

i) Đã ngăn chặn hoặc làm giảm bớt tác hại của tội phạm;

ii) Tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả;

iii) Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn;

iv)⁸ Tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án;

v) Có nhiều đóng góp trong việc thực hiện chính sách xã hội.

Ngoài ra, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 cũng quy định: “Khi quyết định hình phạt, Tòa án có thể coi đầu thú hoặc tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ, nhưng phải ghi rõ lý do giảm nhẹ trong bản án”. Khoản 2 Điều 84 BLHS năm 2015 cũng quy định tương tự “Khi quyết định hình phạt, Tòa án có thể coi các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ, nhưng phải ghi rõ lý do giảm nhẹ trong bản án”. Điều này có nghĩa, mặc dù về giá trị pháp lý có mức độ giảm nhẹ thấp hơn các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 1, nhưng tình tiết giảm nhẹ TNHS “đầu thú” và các tình tiết giảm nhẹ TNHS khác theo quy định tại Khoản 2 Điều 51 vẫn là căn cứ để Tòa án giảm nhẹ hình phạt cho người phạm tội, pháp nhân thương mại phạm tội. Tuy nhiên, các tình tiết giảm nhẹ TNHS khác này yêu cầu “không những phải phù hợp với chính sách hình sự và các chính sách khác của Nhà nước nói chung, với đạo đức - tâm lý chung của xã hội, mà còn thích hợp với từng vụ án tương ứng cụ thể nhằm tránh xu hướng tiêu cực đôi khi thường gặp trong thực tiễn xét xử - các Tòa án mở rộng một cách quá

⁵ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 1 của Luật số 12/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS số 100/2015/QH13, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2018.

⁶ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 1 của Luật số 12/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS số 100/2015/QH13, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2018.

⁷ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 1 của Luật số 12/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS số 100/2015/QH13, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2018.

⁸ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Luật số 12/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS số 100/2015/QH13, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2018.

tùy tiện làm ảnh hưởng đến việc đấu tranh phòng và chống tội phạm” [7].

BLHS hiện hành và các BLHS trước đây các nhà làm luật nước ta đều không quy định cụ thể mức độ giảm nhẹ hình phạt khi người phạm tội có một hoặc nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS chung do luật định như thế nào (do trên thực tiễn mỗi vụ án, mỗi người phạm tội có các đặc điểm, tình tiết khác nhau nên rõ ràng không thể quy định được), mà trao quyền đánh giá, phán xét việc giảm hình phạt này cho Tòa án. Tuy nhiên, sự đánh giá của Tòa án không phải là vô hạn mà chỉ trong những phạm vi (giới hạn) xê dịch cụ thể, đồng thời trong biên độ của khung (khoản) mà người phạm tội đã phạm và được Tòa án xác định khi quyết định hình phạt. Trên cơ sở đánh giá tổng hợp này, Tòa án mới có thể ra phán quyết đúng đắn, công minh, có căn cứ và đúng pháp luật. Và hơn nữa, khi đó Tòa án mới có thể quyết định mức hình phạt cụ thể sau khi giảm phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và của cá nhân thân người phạm tội.

Việc quy định các điều của BLHS theo khung, khoản với phạm vi áp dụng các mức hình phạt như hiện nay thể hiện tính mềm dẻo, linh hoạt, hợp lý và tính xác định tương đối của luật [8], tăng cường quyền phán quyết của Thẩm phán, nhưng chính việc trao quyền đánh giá, lựa chọn mức hình phạt cho Thẩm phán cũng dẫn đến một thực trạng là việc quyết định hình phạt, giảm hình phạt cũng có thể bị chi phối bởi ý thức chủ quan của người Thẩm phán. Vì vậy, cùng tội danh, cùng hành vi, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ TNHS..., mọi yếu tố là như nhau nhưng việc giảm nhẹ lại có mức độ khác nhau dẫn đến quyết định hình phạt khác nhau ở những vụ án khác nhau khi được xét xử bởi các Thẩm phán khác nhau.

Mặc dù không có hướng dẫn cụ thể về cách tính mức hình phạt áp dụng đối với người phạm tội, pháp nhân thương mại phạm tội, nhưng qua tổng kết thực tiễn, trên cơ sở khoa học, tính logic, hợp lý thì tác giả đề xuất phương pháp để tính mức hình phạt như sau: Chúng ta lấy mức trung bình của khung hình phạt là điểm mốc. Nếu người phạm tội không có tình tiết tăng nặng,

giảm nhẹ TNHS thì mức hình phạt được áp dụng nên ở điểm mốc- phạm vi giữa của khung hình phạt, hay nói cách khác là mức hình phạt trung bình của khung hình phạt. Từ điểm mốc này, chúng ta sẽ cân nhắc tăng lên (về phía mức cao nhất) hay giảm đi (về phía mức thấp nhất) của khung hình phạt tùy thuộc vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và các tình tiết định khung của khung hình phạt được áp dụng.

Ví dụ: Khoản 3 Điều 173 BLHS năm 2015 quy định: Người nào trộm cắp tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng; hoặc “lợi dụng thiên tai, dịch bệnh để phạm tội” thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm. Như vậy, chúng ta sẽ chia khung hình phạt thành các mức như sau:

- Mức hình phạt 1: từ 07 đến 09 năm tù
- Mức hình phạt 2: từ 09 đến 12 năm tù (đây được gọi là mức trung bình- điểm mốc)
- Mức hình phạt 3: từ 12 đến 15 năm tù

Trong trường hợp A. lợi dụng dịch bệnh để trộm cắp tài sản trị giá 50 triệu (mà không có yếu tố định khung khác) thì điểm mốc để xác định hình phạt sẽ là từ 09 đến 12 năm. Căn cứ vào tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và các yếu tố khác mà Tòa án xem xét tăng lên hay giảm đi so với mốc hình phạt 09-12 năm này.

Nếu trường hợp A phạm tội do có tình tiết định khung là giá trị tài sản chiếm đoạt, thì cần phải xem xét giá trị tài sản chiếm đoạt là bao nhiêu, sau đó so sánh với giá trị tài sản chiếm đoạt được quy định thành tình tiết định khung của điều luật thì mới tính ra được điểm mốc xác định hình phạt. Cụ thể, nếu A. trộm cắp tài sản trị giá 300 triệu đồng thuộc trường hợp phạm tội theo quy định tại khoản 3 Điều 173 BLHS năm 2015 thì chúng ta sẽ có cách tính mức hình phạt áp dụng đối với A như sau:

- Bước 1: Xác định giá trị tài sản mà A chiếm đoạt. Trong ví dụ này, số tiền A. chiếm đoạt là 300 triệu đồng được xác định nằm ở mức giữa của tình tiết định khung Khoản 3 Điều 173 BLHS (mức 1 từ 200 - 300 triệu; mức 2 từ 300 - 400 triệu; mức 3 từ 400 - 500 triệu);

- Bước 2: Xác định mức trung bình của khung hình phạt và mức hình phạt đối với A nếu không có tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và tình tiết định khung khác. Trong trường hợp này, mức hình phạt sẽ nằm trong khoảng từ 09 đến 12 năm tù;

- Bước 3: Xác định tình tiết tăng nặng giảm nhẹ để tăng lên hay giảm đi mức độ hình phạt. Giả sử A. có một tình tiết giảm nhẹ là khai báo thành khẩn, không có tình tiết tăng nặng. Tòa án có thể xử phạt A. mức hình phạt 08 - 09 năm tù là phù hợp.

Khi xem xét các tình tiết giảm nhẹ TNHS để quyết định giảm hình phạt cho người phạm tội, pháp nhân thương mại phạm tội thì cần lưu ý các tình tiết giảm nhẹ đã được BLHS quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung thì không được coi là tình tiết giảm nhẹ trong khi quyết định hình phạt.

Ví dụ: D. bị truy cứu TNHS về tội phản bội Tổ quốc. D. có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 và Cơ quan tiến hành tố tụng đã sử dụng làm tình tiết để định khung, truy cứu D. theo khoản 2 Điều 108 BLHS⁹ thì Tòa án không được sử dụng hai tình tiết giảm nhẹ đó để tiếp tục giảm nhẹ hình phạt cho D.

2.2. Giảm hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt

Giảm hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với người phạm tội là trường hợp giảm mức hình phạt với cơ chế giảm nhẹ đặc biệt khi có ít nhất 02 tình tiết giảm nhẹ TNHS chung quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015. Việc giảm hình phạt này dẫn đến các mức giảm hình phạt chuyển khung liền kề nhẹ hơn, chuyển sang khung hình phạt khác nhẹ hơn nhưng không bắt buộc phải là khung liền kề hoặc chuyển sang một hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn như sau:

- Trường hợp thứ nhất, giảm hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật

đã quy định nhưng phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của Điều luật. Điều kiện tiên quyết của trường hợp giảm hình phạt trong trường hợp này là người phạm tội phải có ít nhất 02 tình tiết giảm nhẹ TNHS do luật định (các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015), thì Tòa án có thể giảm hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật đã quy định nhưng phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật.

Ví dụ: Trường hợp B. phạm tội trộm cắp tài sản trị giá 200 triệu đồng thuộc khoản 3 Điều 173 BLHS năm 2015 có khung hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm. Tuy nhiên, B. có 02 tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 1 Điều 51, không có tình tiết tăng nặng TNHS; do đó, Tòa án có thể giảm hình phạt theo hướng B. được áp dụng hình phạt dưới 07 năm tù, nhưng không được thấp hơn 02 năm tù, vì khung liền kề nhẹ hơn của điều luật là khoản 2 của Điều 173 BLHS quy định mức phạt tù từ 02 năm đến 07 năm. Tóm lại, nếu áp dụng Khoản 1 Điều 54 để xử phạt bị cáo B. dưới mức thấp nhất của khung hình phạt thì Tòa án có thể quyết định hình phạt đối với B. là từ 02 năm đến dưới 07 năm tù.

Khi xem xét về điều kiện áp dụng Điều 54 BLHS năm 2015 để giảm hình phạt dưới khung cho người phạm tội cần lưu ý các vấn đề sau:

Một là, điều kiện để được giảm nhẹ trong trường hợp này là người phạm tội phải có đủ số lượng 02 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS. Nếu có nhiều tình tiết giảm nhẹ, 05 hay 06 hay 10 tình tiết giảm nhẹ nhưng chỉ có 01 tình tiết là được quy định tại khoản 1 Điều 51, các tình tiết khác quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS, thì cũng không đủ điều kiện để giảm hình phạt dưới khung. Tuy nhiên, không phải cứ có 02 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS là xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung, vì việc có giảm nhẹ cho bị cáo hay không còn căn cứ vào các yếu tố khác như tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội; nhân thân người bị kết án, thái độ, nhận

⁹ Khoản 2 Điều 108 BLHS năm 2015 quy định: “Người phạm tội phản bội Tổ quốc mà có nhiều tình tiết giảm nhẹ, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm”.

thức và khả năng tự cải tạo của người phạm tội. Chính vì vậy, mà BLHS quy định theo hướng mở, Tòa án “có thể”, chứ không phải là Tòa án “buộc phải” quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

Vậy vấn đề đặt ra là nếu người phạm tội vừa có tình tiết giảm nhẹ, vừa có tình tiết tăng nặng thì xử lý thế nào. BLHS không quy định rõ. Hiện nay, cũng chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể về trường hợp này. Tuy nhiên, chúng ta có thể tham khảo tinh thần của quy định hướng dẫn tại đoạn 2 khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “*Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của BLHS về án treo*” ngày 15/5/2018 [9]. Trường hợp có tình tiết tăng nặng TNHS thì số tình tiết giảm nhẹ TNHS phải nhiều hơn số tình tiết tăng nặng TNHS từ 02 tình tiết trở lên, trong đó có ít nhất 02 tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 1 Điều 51 của BLHS.

Hai là, khi nghiên cứu về kỹ thuật lập pháp của BLHS thì dễ dàng nhận thấy các điều luật được thiết kế không giống nhau về thứ tự khung hình phạt từ nhẹ nhất đến nặng nhất hoặc ngược lại. Đa phần các điều luật của BLHS được sắp xếp từ khung nhẹ đến khung nặng, nên thường các khung hình phạt liền kề nhẹ hơn sẽ nằm ở khoản trước và nhẹ nhất thường là khoản 1 (ví dụ Điều 173 BLHS về tội trộm cắp tài sản thì khoản 2 là khung liền kề nhẹ hơn của khoản 3; khoản 1 là khung liền kề nhẹ hơn của khoản 2). Tuy nhiên, có một số điều luật thì lại sắp xếp khung hình phạt từ nặng đến nhẹ (ví dụ Điều 123 BLHS về tội giết người, do đó, khung hình phạt liền kề ở tội giết người lại là khung liền sau; khung nặng nhất là khoản 1, khung liền kề nhẹ hơn của khoản 1 là khoản 2 và khung liền kề nhẹ hơn của khoản 2 là khoản 3). Có một số điều luật thì lại sắp xếp các khung hình phạt không theo trật tự nào, các khung hình phạt được sắp xếp theo trật tự từ nhẹ nhất đến nặng nhất và sau khung hình phạt nặng nhất lại có thêm một khung hình phạt khác mà mức hình phạt cao nhất lại nhẹ hơn cả mức hình phạt cao nhất của khoản 1 như Điều 134 - “Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác”, Điều 260 - “Tội vi phạm quy định về tham gia giao

thông đường bộ, Điều 268 BLHS về “Tội cản trở giao thông đường sắt”; v.v... Do đó khi quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo khoản 1 Điều 54 BLHS thì cần phải hiểu khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật là khung hình phạt liền kề trước hoặc liền kề sau có mức hình phạt cao nhất nhẹ hơn mức hình phạt cao nhất của khung hình phạt bị truy tố [10].

- Trường hợp thứ hai, giảm hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và không buộc phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của Điều luật. Trường hợp này được áp dụng đối với người phạm tội lần đầu là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể. Đây là điểm mới trong BLHS năm 2015 về trường hợp giảm hình phạt đặc biệt để Tòa án có thể quyết định chuyển khung để phân hóa tội đa TNHS của những người đồng phạm trong vụ án có đồng phạm và khắc phục tồn tại trong thực tiễn khi luật “cố định”, qua đó, còn bảo đảm sự công bằng khi người giúp sức có vai trò không đáng kể nhưng phải chịu TNHS cùng khung tăng nặng TNHS với người thực hành, người tổ chức (đặc biệt trong các vụ án về tham nhũng).

Ví dụ: A. là lái xe ôm đã giúp B. là giám đốc nhận hối lộ của C. 500 triệu đồng nên A. đã đồng phạm với B. về tội nhận hối lộ khoản 3 Điều 354 BLHS năm 2015 có mức phạt tù từ 15 năm đến 20 năm. Tuy nhiên, A. phạm tội lần đầu và có vai trò không đáng kể (đồng thời cũng có 02 tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại Khoản 1 Điều 51 BLHS) nên Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 51, có thể giảm hình phạt theo hướng cho A. xuống khoản 1 (bỏ qua khoản 2 liền kề nhẹ hơn của điều luật) với mức từ 02 năm đến 07 năm tù.

Khoản 2 Điều 54 BLHS năm 2015 chỉ quy định “Tòa án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng không bắt buộc phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của Điều luật đối với người phạm tội lần đầu là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể”. Vậy, điều kiện để được giảm nhẹ hình phạt trong trường hợp này có cần phải buộc có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS

hay không? Câu trả lời là có, bởi vì Khoản 2 là sự nối tiếp quy định tại Khoản 1 Điều 54 BLHS, không có 02 tình tiết giảm nhẹ thì đương nhiên sẽ không có việc quyết định giảm nhẹ hình phạt ở mức dưới khung của điều luật quy định, do vậy thì việc xử dưới khung liền kề nhẹ hơn đã không được thì dưới khung không bắt buộc liền kề nhẹ hơn càng không thể được. Như vậy, để được giảm hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng mà không bắt buộc phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật thì người phạm tội phải đáp ứng đủ 03 điều kiện: 1) Có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS; 2) là người phạm tội lần đầu; 3) Và là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể.

Phạm tội lần đầu hiện nay được quy định hướng dẫn tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐTP ngày 24/4/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về “*Hướng dẫn áp dụng Điều 66 và Điều 106 của BLHS về tha tù trước thời hạn có điều kiện*” [11] là: (1) Trước đó chưa phạm tội lần nào; (2) Trước đó đã thực hiện hành vi phạm tội nhưng được miễn TNHS; (3) Trước đó đã thực hiện hành vi phạm tội nhưng được áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng; (4) Trước đó đã bị kết án nhưng thuộc trường hợp được coi là không có án tích. Còn người giúp sức trong vụ án đồng phạm không phải là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy hay trực tiếp thực hiện tội phạm, mà người giúp sức chỉ là người tạo điều kiện tinh thần hoặc vật chất cho việc thực hiện tội phạm (Điều 17 BLHS năm 2015).

- Trường hợp thứ ba, giảm hình phạt bằng việc chuyển sang một hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn, được quy định tại khoản 3 Điều 54 BLHS.

Khoản 3 Điều 54 BLHS quy định “Trong trường hợp có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này nhưng điều luật chỉ có một khung hình phạt hoặc khung hình phạt đó là khung hình phạt nhẹ nhất, thì Tòa án có thể quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt hoặc chuyển sang một hình phạt

khác thuộc loại nhẹ hơn. Lý do của việc giảm nhẹ phải được ghi rõ trong bản án”.

Như vậy, với các trường hợp đủ điều kiện để giảm hình phạt dưới khung theo khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 54 BLHS mà điều luật chỉ có một khung hình phạt hoặc khung hình phạt đó là khung hình phạt nhẹ nhất, thì Tòa án có thể lựa chọn một trong 02 cách giảm nhẹ:

- Quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng. Tuy nhiên, khi quyết định mức hình phạt này cũng cần phải lưu ý sự bảo đảm về mức tối thiểu mà luật quy định đối với loại hình phạt được áp dụng. Ví dụ: theo quy định tại Điều 38 BLHS thì hình phạt “*tù có thời hạn*” đối với người phạm một tội có mức tối thiểu là 03 tháng và mức tối đa là 20 năm. Ví dụ: A. phạm tội loạn luân theo Điều 184 BLHS năm 2015. Điều 184 BLHS chỉ có một khung hình phạt với mức phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. A. thỏa mãn các điều kiện của khoản 1 Điều 54 BLHS năm 2015. Tòa án có thể giảm hình phạt cho A. dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, tức là có thể xử phạt A dưới 01 năm tù, nhưng không được thấp hơn 03 tháng tù.

- Hoặc *quyết định giảm hình phạt bằng cách chuyển sang một hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn*. Khi chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn thì Tòa án có thể lựa chọn một hình phạt bất kỳ nào nhẹ hơn chứ không buộc phải lựa chọn hình phạt nhẹ hơn liền kề. Ví dụ. khung hình phạt áp dụng là tù có thời hạn. Theo quy định của BLHS thì các hình phạt nhẹ hơn hình phạt tù có thời hạn là cải tạo không giam giữ, cảnh cáo, phạt tiền, trục xuất. Do đó, nếu người phạm tội có đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 54 thì Tòa án có thể xử phạt bị cáo bằng một trong các hình phạt là cải tạo không giam giữ, cảnh cáo, phạt tiền, trục xuất, nhưng cần phải lưu ý về điều kiện áp dụng các loại hình phạt này theo quy định tại các điều 34, 35, 36, 37, khoản 2 Điều 50 BLHS. Ví dụ: A. phạm tội “*cướp giật tài sản*” theo khoản 1 Điều 171 BLHS năm 2015, có khung hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. A. thỏa mãn các điều kiện của khoản 1 và khoản 2 Điều 54 BLHS năm 2015, đồng thời đây là khung hình phạt nhẹ nhất của điều luật, do

đó, Tòa án có thể giảm hình phạt cho A. bằng việc chuyển sang hình phạt nhẹ hơn là hình phạt cải tạo không giam giữ, nhưng cũng phải lưu ý là chỉ xử phạt cải tạo không giam giữ đối với A. mức phạt từ 06 tháng đến 03 năm. Trong trường hợp này, Tòa án chỉ có thể lựa chọn bằng việc chuyển sang hình phạt cải tạo không giam giữ, hoặc phạt tiền nếu người phạm tội có tài sản và có khả năng thi hành án, hoặc trục xuất nếu A. là người nước ngoài; chứ không thể chuyển sang hình phạt ‘cảnh cáo’ để xử phạt A. vì A. thuộc trường hợp phạm tội “nghiêm trọng” mà hình phạt cảnh cáo chỉ được áp dụng đối với người phạm tội “ít nghiêm trọng”.

Tuy nhiên, với cách quy định tại Khoản 3 Điều 54 BLHS đã tạo nên một sự chông chéo về điều kiện giảm nhẹ. Như trên đã phân tích thì các điều kiện để giảm hình phạt theo khoản 2 Điều 54 BLHS là đã bao gồm điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 54 BLHS; mà quy định đủ điều kiện theo khoản 1 Điều 54 đã được xử dưới khung hoặc giảm nhẹ bằng việc chuyển sang hình phạt khác nhẹ hơn trong trường hợp này thì đương nhiên các trường hợp đủ điều kiện theo khoản 2 Điều 54 cũng sẽ được giảm nhẹ trong trường hợp này. Do vậy, quy định tại Điều luật này ghi là “*đủ điều kiện quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2...*” cũng cần phải được sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện về mặt kỹ thuật.

Đối với pháp nhân thương mại phạm tội, BLHS chỉ quy định trường hợp giảm mức hình phạt trong phạm vi một khung hình phạt khi có tình tiết giảm nhẹ TNHS chung do BLHS quy định. Theo đó, trong khi xét xử, nếu pháp nhân thương mại có ít nhất một tình tiết giảm nhẹ TNHS chung do BLHS quy định thì Tòa án sẽ được giảm mức hình phạt trong phạm vi khung đó. BLHS năm 2015 chỉ quy định miễn hình phạt đối với pháp nhân thương mại và giảm hình phạt chung, không quy định giảm hình phạt đặc biệt đối với đối tượng này như đối với cá nhân.

3. Kết luận và đề xuất giải pháp

Như vậy, “*giảm hình phạt*” được hiểu là giảm mức độ cường chế (trấn áp) của hình phạt

đối với người, pháp nhân thương mại phạm tội, thuộc về nội dung của TNHS và quyết định hình phạt của Tòa án với điều kiện tiên quyết là phải có một hoặc nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS do BLHS quy định. Ngược lại, khi có một hoặc nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS do BLHS quy định thì người phạm tội được giảm TNHS thể hiện ở việc giảm hình phạt trong một khung hình phạt, được giảm hình phạt chuyển khung hoặc chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn, thậm chí có thể được miễn hình phạt. Còn đối với pháp nhân thương mại phạm tội thì được giảm TNHS thể hiện ở việc giảm hình phạt chung hoặc miễn hình phạt. Quy định điều này trong BLHS không chỉ là “*phương tiện cần thiết cho việc thực hiện chính sách hình sự, mà còn thể hiện ở phương cách sử dụng pháp luật hình sự trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, sử dụng cưỡng chế hình sự chỉ trong giới hạn đủ cần để đấu tranh có hiệu quả với tội phạm...*” [12]. Do đó, từ việc nghiên cứu giảm hình phạt trong xét xử theo quy định của BLHS năm 2015 và một số vấn đề đặt ra, tác giả bài viết đề xuất một số giải pháp hoàn thiện quy định và nâng cao hiệu quả của quyết định giảm hình phạt như sau:

3.1. Sửa đổi quy định tại Điều 54 BLHS năm 2015

Điều 54 BLHS năm 2015 về “*Quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng*” nên sửa đổi theo hướng như sau:

- Tên gọi điều luật cần bao quát cả trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 54. Do đó, tên gọi của Điều luật nên là “*Quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của khung hình phạt được áp dụng*”, để có thể bao hàm cả nội dung quyết định chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn.

- Để tránh hiểu sai là khoản 2 Điều 54 BLHS năm 2015 như không cần điều kiện có ít nhất 02 tình tiết giảm nhẹ TNHS như khoản 1 nên cần ghi nhận rõ là điều kiện để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với người phạm tội lần đầu là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể cũng đòi hỏi phải có ít nhất 02 tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 1

Điều 51 Bộ luật này. Do đó, khoản 2 Điều 54 BLHS năm 2015 sẽ như sau:

“ ...

Đối với người phạm tội lần đầu là người giúp sức, có vai trò không đáng kể trong vụ án đồng phạm mà có từ 02 tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS trở lên thì Tòa án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng không bắt buộc phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của Điều luật”.

- Sửa đổi khoản 3 Điều 54 BLHS năm 2015 theo hướng chỉ cần quy định: “*Trong trường hợp người phạm tội có từ 02 tình tiết giảm nhẹ TNHS theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật này trở lên nhưng Điều luật áp dụng chỉ có một khung hình phạt hoặc khung hình phạt đó là khung hình phạt nhẹ nhất, thì Tòa án có thể quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt hoặc chuyển sang một hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn. Lý do của việc giảm nhẹ phải được ghi rõ trong bản án”.*

3.2. Bổ sung trường hợp giảm hình phạt tiền đối với pháp nhân thương mại phạm tội khi có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS

Hiện nay, BLHS năm 2015 chỉ quy định giảm hình phạt chung đối với pháp nhân thương mại phạm tội (Điều 84) nhưng không quy định giảm hình phạt trong trường hợp đặc biệt đối với đối tượng này, do đó, chưa bảo đảm công bằng trong trường hợp pháp nhân thương mại phạm tội có 01 tình tiết giảm nhẹ TNHS chung do BLHS quy định với trường hợp có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS chung, đặc biệt là liên quan đến giảm mức hình phạt tiền mang tính đặc thù đối với đối tượng này¹⁰. Do đó, cần bổ sung quy định về giảm hình phạt đặc biệt (hay “*Quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt tiền được áp dụng*”) đối với pháp nhân thương mại và bổ sung thành Điều 85a) với nội dung như sau:

“*Điều 85a. Quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt tiền được áp dụng*

Tòa án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt tiền được áp dụng khi pháp nhân thương mại phạm tội có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 84 của Bộ luật này”.

3.3. Ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật

Hiện nay, BLHS năm 2015 đã có hiệu lực pháp luật (01/01/2018), tuy nhiên, nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS do luật định (áp dụng đối với cả người và pháp nhân thương mại phạm tội) chưa có sự hướng dẫn áp dụng thống nhất.

- Đối với người phạm tội:

i) Phạm tội trong trường hợp bị hạn chế khả năng nhận thức mà không phải do lỗi của mình gây ra (điểm I khoản 1 Điều 51);

ii) Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án (điểm t khoản 1 Điều 51).

- Đối với pháp nhân thương mại phạm tội:

i) Đã ngăn chặn hoặc làm giảm bớt tác hại của tội phạm;

ii) Tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả;

iii) Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn;

iv) Tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án;

v) Có nhiều đóng góp trong việc thực hiện chính sách xã hội.

- Việc các nhà lập pháp quy định hình phạt theo khung vì không thể có điều kiện để tính hết và quy định hết tất cả các trường hợp phạm tội khác nhau để quy định hình phạt tương ứng đối với từng trường hợp phạm tội có thể xảy ra trên thực tế đã làm tăng khả năng lựa chọn của Tòa án khi quyết định hình phạt, cũng như quyết định giảm hình phạt cũng phụ thuộc nhiều vào ý chí

¹⁰Pháp nhân thương mại chỉ bị áp dụng 03 hình phạt chính - phạt tiền (Điều 77); đình chỉ hoạt động có thời hạn (Điều

78); đình chỉ hoạt động vĩnh viễn (Điều 79) và miễn hình phạt (Điều 88).

chủ quan của Thẩm phán. Việc giảm hình phạt giống như việc “bốc thuốc Bắc” và Thẩm phán được ví như thầy lang, thuốc bốc chuẩn thì bệnh mới chóng khỏi, việc giảm chuẩn thì mới có tác dụng trong việc đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm. Do đó, Tòa án nhân dân tối cao cũng cần có hướng dẫn mang tính nguyên tắc trong quyết định hình phạt và giảm hình phạt (mà tác giả đã có ví dụ ở trên) để có đường lối chung, áp dụng thống nhất, bảo đảm tính đúng đắn, hiệu quả của hình phạt và cũng là bảo đảm nguyên tắc công bằng trong xét xử.

- Mặc dù Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã có hướng dẫn về trường hợp người phạm tội vừa có tình tiết tăng nặng, vừa có tình tiết giảm nhẹ, nhưng đó là hướng dẫn cho Điều 65 về “Án treo”. Do đó, cũng cần có hướng dẫn cụ thể về trường hợp này đối với Điều 54 BLHS về “Quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt”, vì Điều 54 đòi hỏi điều kiện 02 tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 1 Điều 51 chứ không phải 01 tình tiết giảm nhẹ TNHS như quy định tại Điều 65 BLHS, nên chỉ có thể tham khảo tinh thần quy định hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP chứ không thể áp dụng Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP.

GS. TSKH Đào Trí Úc đã nhận định: “pháp luật (hình sự) dù có hoàn thiện đến mấy, cũng không thể phản ánh và quy định hết được tất cả những hoàn cảnh cụ thể của cuộc sống” [13]. Do đó, dù có cố gắng hoàn thiện một cách tối đa các quy định liên quan đến giảm hình phạt thì cũng không thể dự liệu hết các tình huống giảm hình phạt trong thực tiễn, nên việc quy định “giảm hình phạt” theo hướng mở, có tính mềm dẻo, linh hoạt và tăng quyền lựa chọn cho Thẩm phán là cách thức phù hợp nhất, bảo đảm hiệu quả của việc áp dụng quy định giảm hình phạt nói riêng và đáp ứng yêu cầu của công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, cũng như giáo dục, cải tạo người, pháp nhân thương mại phạm tội nói chung. Tuy nhiên, để có thể giảm hình phạt đúng, hiệu quả

thì yêu cầu về cái tâm, cái tầm và khả năng phán xét, lựa chọn của Thẩm phán - người cầm cân, nẩy mực là vô cùng quan trọng. Vì vậy, ngoài việc quan tâm hoàn thiện quy định pháp luật, Nhà nước cũng cần quan tâm đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao hơn nữa năng lực, nhân cách và kỹ năng của người Thẩm phán./.

Tài liệu tham khảo

- [1] National Assembly, *Penal Code 2015*.
- [2] Political Bureau, Resolution No. 49-NQ/TW on 2 June 2005 on “*Judicial Reform Strategy until 2020*”, Hanoi.
- [3] Supreme People’s Court, Collection of criminal laws, Volume I (1945-1974), Hanoi, 1975.
- [4] Supreme People’s Court, Collection of criminal laws, Volume II (1974-1978), Hanoi, 1979.
- [5] National Assembly, *Penal Code 1985*.
- [6] National Assembly, Penal Code 1999, revised in 2009.
- [7] Le Cam, Trinh Tien Viet, *Offender’s record: Some basic theoretical issues*, People’s Court Journal, Issue No. 1/2002.
- [8] Trinh Tien Viet, Impact of extenuating circumstances in deciding criminal penalties, Legal Science Journal, Issue No. 1/2004.
- [9] Justice Council of the Supreme People’s Court, Resolution No. 02/2018/NQ-HĐTP on 15 May 2018 on “*Guidance on application of Article 65 of the Penal Code on suspended sentence*”.
- [10] Thieu Van Thinh, Cao Bang People’s Procuracy, <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat/mot-so-luu-y-khi-quyet-dinh-ap-dung-hinh-phat-duoi-muc-thap-nhat-cua-khung-hinh-phat>, accessed on 05 May 2020.
- [11] Justice Council of the Supreme People’s Court, Resolution No. 01/2018/NQ-HĐTP on 24 April 2018 on “*Guidance on application of Article 66 and Article 106 of the Penal Code on conditional parole*”.
- [12] Tran Thi Quang Vinh, *Extenuating circumstances in Vietnamese criminal law*, Doctoral Thesis in Law, Institute of State and Law, Hanoi, 2002.
- [13] Dao Tri Uc, *Vietnam Criminal Law, Volume I – General part*, Social Science Publishing House, Hanoi, 2000.